

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 22/3/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Trung

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Thùy Dương

2. Bà Phạm Ngọc Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2021/LTST- HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp TH, xã BB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp TH, xã BB, huyện CM, Đồng Nai.

(ông H có đơn xét xử vắng mặt, bà X vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau từ năm 1986, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân lần đầu tiên của ông, bà.

Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung Nguyễn Văn V1, sinh ngày 19/5/1989 và Nguyễn Văn V2, sinh ngày 28/6/1992. Hiện tại các con đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 1996 ông H, bà X xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường đi làm ăn xa, bà X ở nhà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và sống ly thân từ đó

đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà X; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung Tên Nguyễn Văn V1 và Nguyễn Văn V2 do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/01/20122 của bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn gia đình, con chung như ông H trình bày. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh con (bản sao); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: con đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: ông H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị X. Đồng thời, bà X cư trú trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng

dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà X chung sống từ năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông H và bà X chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà X là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông H xác định thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 1996 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm; do ông H đi làm ăn xa nên bà X có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ông H và bà X không sống chung từ khoảng năm 1996 cho đến nay.

Bà Xuyến trình bày quá trình chung sống ông H, bà X xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau và đã có thời gian sống ly thân. Bà X xác định tình cảm đối với ông H không còn và đồng ý ly hôn.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông H và bà X không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung từ khoảng năm 1996 cho đến nay. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn của ông H đối với bà X theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Ông H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn V1, sinh ngày 19/5/1989 và Nguyễn Văn V2, sinh ngày 28/6/1992.

Xét thấy các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và ông H không yêu cầu xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông H và bà X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Do các con chung Nguyễn Văn V1, sinh ngày 19/5/1989 và Nguyễn Văn V2, sinh ngày 28/6/1992 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000828 ngày 15/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Trung